TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 tháng 10 năm 2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Năm;
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phùng Văn Thị;
2/ Bà Vương Thị Thu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị ***Nguyễn Thị T***, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 11, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nơi ở hiện tại: Khu 3, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh ***Nguyễn Mạnh H***, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Khu 11, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 13/02/2009, tại UBND xã Y (nay là xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ). Khi đó vợ chồng chị làm nghề tự do tại địa phương. Sau kết hôn, anh chị chung sống với nhau được 12 năm. Ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, được 5 năm thì vợ chồng này sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, anh H chơi bời không lo kinh

tế cho gia đình, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi cọ nhau, đánh nhau. Gia đình và địa phương khu dân cư đã tiến hành hòa giải nhưng vợ chồng chị không giải quyết được mâu thuẫn. Chị và anh H sống ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2021 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thu H1, sinh ngày 14/02/2011 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 05/11/2012. Hai cháu đang ở cùng chị. Nếu vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về điều kiện ăn ở sinh hoạt: Chị và các cháu đang ở cùng với mẹ chị tại khu C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam trên ngôi nhà diện tích 100 m². Công việc hiện nay của chị là kinh doanh quần áo, thu nhập bình quân 10-15 triệu đồng/ tháng, chị đủ khả năng, thời gian và điều kiện trực tiếp nuôi con nên không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Chị không yêu cầu giải quyết.

* Theo lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 13/02/2009, tại UBND xã Y (nay là xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ). Khi đó vợ chồng anh làm nghề tự do tại địa phương. Sau kết hôn, anh chị chung sống với nhau được 12 năm. Ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, được 5 năm thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do làm ăn sa sút, không thuận lợi, nợ nần, chị T đưa hai con bỏ về quê ngoại ở từ tháng 6/2017. Cuối năm 2018, anh về chung sống cùng chị T, đến năm 2021 chị T đuổi anh ra khỏi nhà, anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Thu H1, sinh ngày 14/02/2011 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 05/11/2012. Hai cháu đang ở cùng chị T. Nếu vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu H1, còn chị T trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu M. Trước đây cháu H1 đang ở cùng anh, cháu M ở cùng chị T và mẹ đẻ chị T tại khu C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Từ tháng 6/2023, chị T đón cháu H1 về quê ngoại chơi ở cùng chị T. Công việc hiện nay của anh là công nhân tại công ty G, thu nhập bình quân 8-10 triệu đồng/ tháng, anh đủ khả năng, thời gian và điều kiện trực tiếp nuôi con nên không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Anh không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa xác định quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Mạnh H. Về con chung: Giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T và anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Mạnh H là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt các Thông báo, Quyết định hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do tại phiên tòa xét xử vụ án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, đến nay chị T yêu cầu được ly hôn anh H. Xét thấy, thực tế chị T và anh H sống ly thân đã lâu, không cùng nhau để xây dựng, vun vén hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung; Mục đích hôn nhân không đạt được; Mặt khác anh Nguyễn Mạnh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Vì vậy, công nhận thuận tình ly

hôn giữa chị T và anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu H1, sinh ngày 14/02/2011 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 05/11/2012 (Hiện nay hai cháu đang ở với chị T tại Hà Nam). Nguyện vọng của chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Còn nguyện vọng của anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H1. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T và anh H là hoàn toàn chính đáng, xuất phát từ tình yêu thương ruột thịt của cha mẹ đối với các con. Tuy nhiên khi giao con chung cho ai là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng phải xem xét về mọi mặt để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các con. Xét về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị T và anh H đều đảm bảo có điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng các con chung. Nhưng xét về thực tế, thì hiện tại cả hai con chung đều đang ở với chị T và đang theo học ổn định tại Trường Trung học cơ sở xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam, được chị T và mẹ đẻ chị T chăm sóc chu đáo. Nguyện vọng của các con chung cũng mong muốn được ở với chị T. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống của các con chung không bị xáo trộn, không ảnh hưởng đến tâm lý của các con, nên giao cả hai con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra giải quyết vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị T tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba như đã trình bày trên, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Mạnh H.

[3]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thu H1, sinh ngày 14/02/2011 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 05/11/2012 *(Hiện nay hai con chung đang ở với chị* T *tại* khu C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam). Anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị T tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh H không yêu cầu nên đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2020/0003768, ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thanh Ba. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Thị Năm